

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BẮC MÊ
TỈNH HÀ GIANG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 07/2017/HSST
Ngày 11/8/2017

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẮC MÊ
Với thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- + *Thẩm phán chủ tọa phiên tòa:* Ông Phạm Hùng Thắng.
- + *Các Hội thẩm nhân dân*
 - Ông: Nguyễn Quang Sỹ; Nghề nghiệp: Cán bộ.
 - Nơi công tác: Phòng Giáo dục và đào tạo huyện Bắc Mê, tỉnh Hà Giang.
 - Ông: Nông Xuân Cương; Nghề nghiệp: Cán bộ.
 - Nơi công tác: Ủy ban mặt trận tổ quốc huyện Bắc Mê, tỉnh Hà Giang.
- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Dương Văn Công Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bắc Mê, tỉnh Hà Giang.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tham gia phiên tòa ông: Dư Văn Tuệ - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 8 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bắc Mê, xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 08/2017/HSST ngày 29/6/2017 đối với bị cáo.

Đặng Văn G, sinh ngày 12/3/1999. Tại huyện BM, tỉnh HG; Nơi cư trú: Thôn TK, xã GT, huyện BM, Tỉnh HG; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Dao; Tôn giáo: Không; Trình độ văn hoá: 9/12; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Con ông: Đặng Văn Q, sinh năm 1978 và bà: Đặng Thị P, sinh năm 1978; Có 03 anh em ruột, bị cáo là con thứ nhất trong gia đình; Có vợ: Lý Thị Á, sinh năm 1999; con chưa có; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” tại xã GT, huyện BM, tỉnh HG (Có mặt).

2. Người bị hại anh: La Quyết T, sinh năm 1983.

Nơi cư trú: Thôn KN, xã GT, huyện BM, Tỉnh HG (Có mặt).

NHẬN THẤY

Bị cáo Đặng Văn G bị Viện kiểm sát nhân dân huyện Bắc Mê truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Khoảng 10 giờ ngày 21/4/2017 Đặng Văn G đi từ nhà tại thôn TK, xã GT, huyện BM đến thôn KN, xã GT với mục đích là vào chợ trung tâm xã GT chơi, đến khoảng 11 giờ 30 phút cùng ngày, G mang chiếc điện thoại di động nhãn hiệu SAMSUNG 5830i, cũ đã qua sử dụng vào cửa hàng mua bán - sửa chữa điện thoại của anh La Quyết T ở thôn KN, xã GT, huyện BM để sửa. Trong lúc đứng chờ sửa điện thoại, G quan sát thấy trong tủ trưng bày nhiều điện thoại di động để bán (*cửa tủ đóng nhưng không khóa*), G nảy sinh ý định trộm cắp tài

sản (điện thoại di động). G quan sát thấy xung quanh không có ai, anh T thì đang ngồi sửa điện thoại, quay lưng về phía tủ trưng bày, không chú ý, G dùng tay trái vòng qua mặt trên của tủ kính sang mặt sau của tủ kính, đặt tay trái lên cánh cửa tủ tầng thứ 3 ở phía trên và đẩy cửa tủ theo hướng từ trái qua phải (loại cửa lùa). Sau khi mở được tủ, G di chuyển sang mặt tủ bên trái (hướng từ ngoài cửa hàng nhìn vào), G dùng tay trái luồn vào bên trong tủ kính và lấy 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu HTCOne PN07110, màu bạc, mới chưa qua sử dụng, cho vào trong túi quần bên trái. Sau khi lấy được điện thoại, G hỏi anh T "có sửa xong điện thoại cho em được không", anh T trả lời là "chưa được đâu" sau đó G bảo anh T để lấy điện thoại sau và đi ra ngoài lấy xe máy đi về nhà. Sau khi về đến nhà, G lắp SIM vào điện thoại, kích hoạt máy và gọi điện cho một số người quen. Đến khoảng 17 giờ cùng ngày, G mang theo chiếc điện thoại trên đi đến xóm PT, thôn TK, xã GT, huyện BM ăn cưới.

Đến khoảng 18 giờ cùng ngày, anh T kiểm tra lại hàng hóa trong cửa hàng thì phát hiện bị mất 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu HTCOne PN07110, màu bạc, anh T kiểm tra lại camera giám sát lắp đặt tại cửa hàng thì phát hiện G đã lấy trộm. Đến khoảng 21 giờ 00 phút cùng ngày, anh T trình báo toàn bộ sự việc trên đến Công an xã GT, đến 22 giờ 30 phút cùng ngày phát hiện G trên đường đi về nhà, tổ công tác Công an xã yêu cầu G đến trụ sở UBND xã làm việc G đã khai nhận toàn bộ hành vi của mình và giao nộp lại chiếc điện thoại di động đã lấy trộm cho Công an xã sau đó công an xã chuyển toàn bộ hồ sơ vụ việc cùng tang vật đến Công an huyện BM giải quyết theo thẩm quyền.

Ngày 28/4/2017 Cơ quan CSĐT Công an huyện BM ra Quyết định trưng cầu định giá tài sản chiếc điện thoại HTCOne PN07110, màu bạc. Tại Bản kết luận số 10 ngày 05/5/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện BM kết luận 01 chiếc điện thoại di động, nhãn hiệu HTCOne PN07110, màu bạc, còn mới trị giá 6.000.000đ (Sáu triệu đồng chẵn).

Người bị hại ông La Quyết T xác nhận: Gia đình tôi mở cửa hàng sửa chữa, mua bán điện thoại di động có Giấy phép kinh doanh do Phòng tài chính kế hoạch huyện BM cấp ngày 20/7/2010, vào khoảng 11 giờ 30 phút ngày 21/4/2017 bị cáo G đến quán sửa điện thoại tôi đồng ý, khi sửa điện thoại cho G được khoảng 10 phút G hỏi tôi (Có sửa xong được không thầy T ơi) tôi trả lời chưa được đâu, G nói để lấy sau. Đến khoảng 18 giờ cùng ngày kiểm tra lại hàng phát hiện bị mất 01 chiếc điện thoại di động mới, nhãn hiệu HTCOne PN07110 màu bạc, sau đó xem lại camera ghi hình lắp đặt tại cửa hàng phát hiện bị cáo G đã lấy trộm điện thoại của tôi để trong tủ kính. Ngày 22/6/2017 Cơ quan CSĐT Công an huyện BM đã trả chiếc điện thoại bị mất cho tôi, còn tôi với bị cáo G đã thỏa thuận bồi thường xong tiền hao mòn máy điện thoại 2.000.000đ (Hai triệu đồng chẵn), về phần dân sự không yêu cầu bị cáo bồi thường thêm khoản gì.

Tang vật vụ án đã thu giữ của bị cáo Đặng Văn G gồm: 01 chiếc điện thoại di động, nhãn hiệu HTCOne PN07110, màu bạc còn mới, đến ngày

22/6/2017 Cơ quan CSĐT Công an huyện BM đã trả chiếc điện thoại cho người bị hại anh La Quyết T

Theo cáo trạng số 08/CT-VKS ngày 28/6/2017 của VKSND huyện BM đã truy tố bị cáo Đặng Văn G về tội "*Trộm cắp tài sản*" theo khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự. Tại phiên tòa đại diện VKS giữ quyền công tố đã kết luận và phát biểu quan điểm của VKS về việc giải quyết vụ án, giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo về tội danh, điều luật như nội dung cáo trạng đã nêu. Đề nghị Hội đồng xét xử.

- Tuyên bố bị cáo: Đặng Văn G phạm tội "*Trộm cắp tài sản*".

- Hình phạt: Áp dụng khoản 1 Điều 138, điểm b, h, p khoản 1, 2 Điều 46, khoản 1, 2 Điều 60 của BLHS; khoản 1 Điều 2 Nghị quyết số 01/2013/NQ-HĐTP-TANDTC ngày 06/11/2013 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn; Xử phạt bị cáo Đặng Văn G từ 06 đến 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời hạn thử thách từ 12 đến 18 tháng

- Về án phí: Áp dụng Điều 99 BLTTHS; Khoản 1 Điều 21 và khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về lệ phí Tòa án, bị cáo phải chịu án phí theo pháp luật.

Hội đồng xét xử căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện các chứng cứ, ý kiến của kiểm sát viên, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác.

XÉT THẤY

Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa hôm nay phù hợp với lời khai của người bị hại, các tài liệu chứng cứ đã có trong hồ sơ, phù hợp với tang vật và các vật chứng khác đã được thu thập, thấy rằng có đủ cơ sở để kết luận: Khoảng 11 giờ 45 phút ngày 21/4/2017 Đặng Văn G có hành vi trộm cắp tài sản 01 chiếc điện thoại HTCOne PN07110 trị giá 6.000.000, đồng của anh La Quyết T. Như vậy bản cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố bị cáo về tội *Trộm cắp tài sản* theo khoản 1 Điều 138 BLHS là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng quy định của pháp luật.

Xét hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội vì đã trực tiếp xâm hại đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của người bị hại. Trong khi bị cáo đã có đầy đủ năng lực hành vi hình sự, dân sự và hoàn toàn nhận thức được việc trộm cắp tài sản của người khác là vi phạm pháp luật. Hành vi phạm tội của bị cáo gây hoang mang cho người dân, mất trật tự trị an trên địa bàn xã GT, huyện BM. Vì vậy, cần xử lý nghiêm minh đối với bị cáo.

Xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ hình phạt trách nhiệm hình sự bị cáo đã coi thường pháp luật, cố ý phạm tội vì mục đích tư lợi cá nhân, đi trộm cắp tài sản nên cần xét mức án vừa đủ tác dụng giáo dục bị cáo trở thành công dân tốt cho xã hội và phòng ngừa chung.

Xét về nhân thân bị cáo sau khi phạm tội xảy ra bị cáo tự nguyện bồi thường thiệt hại khắc phục hậu quả cho người hại, phạm tội lần đầu và thuộc

trường hợp ít nghiêm trọng, trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo có nhân thân tốt, là người dân tộc thiểu số sống ở vùng kinh tế khó khăn, hoàn cảnh gia đình khó khăn, tương ứng các điểm b, h, p khoản 1, 2 Điều 46, khoản 1, 2 Điều 60 của BLHS và khoản 1 Điều 2 Nghị quyết số 01/2013/NQ-HĐTP-TANDTC ngày 06/11/2013 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn. Chưa cần cách ly bị cáo với xã hội, giao bị cáo cho chính quyền địa phương giám sát, giáo dục để bị cáo thấy sự khoan hồng của pháp luật.

Về xử lý vật chứng: Cơ quan CSĐT Công an huyện BM đã xác định đúng chủ sở hữu tài sản và đã trả chiếc điện thoại cho người bị hại anh La Quyết T là phù hợp. Nên tại phiên tòa HĐXX không xem xét.

Trách nhiệm dân sự: Tại phiên tòa người bị hại anh La Quyết T đã nhận được toàn bộ tài sản không yêu cầu bị cáo phải bồi thường. Nên HĐXX không xem xét.

Bị cáo phải chịu án phí theo qui định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

- **Tuyên bố bị cáo:** Đặng Văn G phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

- **Hình phạt:** Áp dụng khoản 1 Điều 138; điểm b, h, p khoản 1, 2 Điều 46, khoản 1, 2 Điều 60 của BLHS; Điều 69, 70 Luật Thi hành án Hình sự và khoản 1 Điều 2 Nghị quyết số 01/2013/NQ-HĐTP-TANDTC ngày 06/11/2013 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

Xử phạt bị cáo Đặng Văn G 8 (Tám) tháng tù nhưng cho hưởng án treo với thời hạn thử thách 16(Mười sáu) tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Đặng Văn G cho UBND xã GT, huyện BM giám sát, giáo dục. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với UBND xã GT, huyện BM trong việc giám sát giáo dục.

Trường hợp thay đổi nơi cư trú thì UBND xã GT, huyện BM, thông báo cho Cơ quan thi hành án hình sự Công an huyện BM, tỉnh HG để làm thủ tục chuyển giao hồ sơ thi hành án đến nơi người bị kết án cư trú mới.

- **Về án phí:** Áp dụng Điều 99 BLTTHS; Khoản 1 Điều 21 và khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về lệ phí Tòa án, bị cáo Đặng Văn G phải chịu tiền án phí hình sự sơ thẩm 200.000đồng .

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (*đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án*) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (*đối với các khoản tiền phải trả cho người phải thi hành án*) cho đến khi thi hành xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm báo cho bị cáo, người bị hại biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh HG;
- VKSND tỉnh HG;
- VKSND huyện Bắc Mê;
- Công an huyện Bắc Mê;
- Bị cáo, người bị hại;
- Chi cục THADS huyện;
- Sở tư pháp HG;
- Phòng PV 27 CA tỉnh Hà Giang;
- UBND xã GT;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Phạm Hùng Thắng